

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN
VÀ CÁC MÔN BỔ SUNG KIẾN THỨC CỦA CÁC CHUYÊN NGÀNH
DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2014**

STT	Chuyên ngành dự tuyển Cao học	Tên ngành Đại học đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành Đại học	Môn học bổ sung	Số tiết
1	Khoa học cây trồng	Nông học, Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên, Di truyền chọn giống	Khoa học môi trường, Quản lý đất đai, Công nghệ sinh học, Sự phạm kỹ thuật nông nghiệp, Lâm sinh, Khoa học đất, Công nghệ giống cây trồng, Sinh học, Sự phạm sinh	Phương pháp thí nghiệm Di truyền - Giống Kỹ thuật canh tác cây trồng chuyên khoa	45 (3 TC) 45 (3 TC) 60 (4 TC)
2	Bảo vệ Thực vật	Nông học, Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	Khoa học môi trường, Quản lý đất đai, Công nghệ sinh học, Sự phạm kỹ thuật nông nghiệp, Lâm sinh, Khoa học đất, Công nghệ giống cây trồng, Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên, Sinh học, Sự phạm sinh	Phương pháp thí nghiệm Bệnh hại cây trồng Côn trùng hại cây trồng	45 (3 TC) 45 (3 TC) 45 (3 TC)
3	Chăn nuôi	Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Thú y	Công nghệ sinh học, Thủy sản, Sự phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sự phạm Sinh,	Di truyền giống Dinh dưỡng động vật	45 (3 TC) 45 (3 TC)
			Nông học	Di truyền giống Dinh dưỡng động vật Sinh lý gia súc	45 (3 TC) 45 (3 TC) 60 (4 TC)
4	Thú y	Thú y, Chăn nuôi Thú y	Chăn nuôi, Bệnh học Thủy sản	Bệnh lý Ký sinh trùng	60 (4 TC) 60 (4 TC)
5	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí, Cơ khí nông lâm, Cơ khí chế biến, Công nghệ chế tạo máy, Cơ điện tử	Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô, Cơ kỹ thuật	Máy chế biến Cơ kỹ thuật Lý thuyết máy canh tác	45 (3 TC) 45 (3 TC) 45 (3 TC)

6	Lâm học	Lâm sinh, Lâm nghiệp, Quy hoạch rừng, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý bảo vệ rừng	Nông lâm kết hợp, Lâm nghiệp xã hội, Bảo vệ tài nguyên môi trường, Kỹ thuật thông tin lâm nghiệp, Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường, Quản lý đất đai, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Môi trường và phát triển lâm nghiệp; Quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên; Lâm nghiệp đô thị và quản lý đô thị; Quản lý bảo vệ rừng; Nông học; Công nghệ sinh học và giống cây trồng	30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC)
7	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý nghề cá, Khai thác thủy sản, Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản	Chế biến thủy sản, Chăn nuôi, Thú y, Sư phạm sinh học, công nghệ sinh học, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Khoa học môi trường	PP nghiên cứu sinh học cá QL chất lượng nước trong nuôi thủy sản KT sản xuất giống cá nước ngọt KT SX giống và nuôi giáp xác	30 (2 TC) 45 (3 TC) 30 (2 TC) 45 (3 TC)
8	Kinh tế nông nghiệp	Cử nhân kinh tế các chuyên ngành	Cử nhân quản trị, Tài chính & kế toán	Kinh tế vi mô Kinh tế vĩ mô Kinh tế lượng hoặc Kinh tế nông lâm căn bản	30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC)
9	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học, Sinh học, Vi sinh, Dược	Nông học, Thú y, Chăn nuôi, Khoa học môi trường, Công nghệ thực phẩm	Sinh học phân tử Công nghệ di truyền	60 (4 TC) 45 (3 TC)
10	Công nghệ chế biến lâm sản	Chế biến lâm sản, Công nghệ gỗ giấy, Thiết kế đồ gỗ nội thất, Thiết kế nội thất	Cơ khí nông lâm, Công nghệ nhiệt lạnh, Cơ điện tử, Cơ khí chế tạo máy, Lâm nghiệp	Khoa học gỗ Xử lý gỗ Công nghệ mộc Công nghệ sản xuất ván nhân tạo	30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC)
11	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm, Bảo quản chế biến NSTP, Công nghệ sau thu hoạch, Hóa thực phẩm, Chế biến thủy sản	Công nghệ hóa học, Cử nhân hóa hữu cơ, Sư phạm hóa, Công nghệ sinh học/Sinh học	Công nghệ chế biến TP Hóa thực phẩm Vi sinh thực phẩm	45 (3 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC)

12	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý môi trường, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Hóa môi trường, Sinh học môi trường Quản lý tài nguyên (QLTN rừng, QLTN đất, QL đất đai), Kinh tế môi trường, GIS, Cảnh quan và kỹ thuật hòa viên	Nông học, Công nghệ sinh học, Sinh học, Hóa học, Lâm nghiệp, Thủy sản, Công nghệ kỹ thuật (Xây dựng, Quản lý đô thị, Kỹ thuật hóa, Kỹ thuật sinh học), Kinh tế, Phát triển nông thôn	Sinh thái môi trường Đánh giá tác động môi trường QL Môi trường và phát triển bền vững	45 (3 TC) 45 (3 TC) 30 (2 TC)
13	Quản lý Đất đai	Quản lý đất đai, Quản lý thị trường bất động sản, Công nghệ địa chính, Địa chính (ĐHBK, KHTNHN)	Luật, Môi trường, Trắc địa, Địa tin học, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Địa lý, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Sinh Thái và bảo vệ môi trường	Quản lý hành chính về đất đai Quy hoạch đô thị Hệ thống thông tin đất đai Định giá đất	30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC) 30 (2 TC)

PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC